

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 11- 2019

V/v “Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chu Y.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51b/2019/QĐXX- ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thúy K, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: ấp M, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Trịnh Minh L, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: ấp M, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: Số X, Phố LĐ, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Võ Nhật Duy A. Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Bến Cầu theo Quyết định ủy quyền số: 4716/QĐ – NHCS của Tổng giám đốc NHCSXH ngày 25/11/2016 về việc ủy quyền tham gia tố tụng và Thi hành án.

Bà K có mặt, ông L và ông A vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn- bà Ngô Thúy K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L tự quen biết rồi tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bến Cầu vào ngày 29/12/2003. Quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông L không phụ giúp bà về kinh tế gia đình, ông thường nhậu nhọc rồi gây sự đánh đập bà. Bà nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông L không thay đổi. Ông bà ly thân từ ngày 01/5/2019 đến nay, trong thời gian ly thân và sau khi đã nộp đơn xin ly hôn được Tòa án giải quyết thì ông L vẫn nhiều lần gây sự với bà. Giữa bà và ông L không thể tiếp tục chung sống được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung tên Trịnh Thị Kiều N, sinh ngày 13/6/2004 và Trịnh Thị Bé N1, sinh ngày: 13/8/2006 thời điểm ly thân bà về nhà anh ruột ở nên các con sống tại nhà với ông L, sau khi khởi kiện được Tòa án giải quyết thì hiện ông L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở nên bà và các con hiện sống tại nhà bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông L có nợ Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Bến Cầu số tiền gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh nhưng bà đã trả toàn bộ số nợ trên nên bà không yêu cầu giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2019 bị đơn- ông Trịnh Minh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng như bà K trình bày là đúng. Hằng ngày ông đi làm vẫn phụ tiền cho vợ nuôi con. Vợ chồng chỉ có thường gây gổ nhưng rất ít vì ông đi làm từ

sáng đến chiều mới về. Nhưng vợ chồng thường mâu thuẫn là do ông thường xuyên uống rượu nên vợ chồng gây gổ với nhau. Vợ ông nhiều lần kêu ông bỏ rượu. Ông cũng đã sửa đổi cụ thể ông cũng đã giảm bớt uống rượu nhưng vẫn không hạn gấn được. Ngoài ra vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì khác. Ông yêu cầu Tòa án hòa giải hạn gấn đoàn tụ, ông không đồng ý ly hôn với bà K.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Trịnh Thị Kiều N, sinh ngày 13/6/2004 và Trịnh Thị Bé N1, sinh ngày: 13/8/2006 như bà K trình bày. Hiện các con chung đang sống cùng ông tại ấp B, xã Tiên Thuận, Bến Cầu. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn về con chung ông yêu cầu nuôi cả 02 con, không yêu cầu bà K cấp dưỡng. Nếu con chung theo bà K thì ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà K hiện còn nợ Ngân hàng chính sách huyện Bến Cầu số tiền vay gốc 12.000.000 đồng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì chia đôi số nợ, mỗi người trả một nửa là 6.000.000 đồng cho Ngân hàng C huyện Bến Cầu.

Sau khi đến Tòa cung cấp lời khai thì ông L dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để tham gia phiên hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 Đại diện Ngân hàng C- ông Nguyễn Võ Nhật Duy A yêu cầu ông L và bà K hoàn trả cho ngân hàng số nợ vay tính đến ngày 23/9/2019 gồm 12.000.000 đồng nợ gốc và lãi là 47.342 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6600000714368563 ngày 12/02/2019. Mục đích vay: xây dựng công trình nước sạch và công tình vệ sinh môi trường nông thôn, ngày đến hạn trả nợ là 07/02/2024, lãi suất vay 9%/ năm, lãi suất nợ quá hạn là 11,7%/năm.

Ngày 12/11/2019 ông A có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với ông L và bà K đối với số nợ vay trên, lý do là ông L và bà K đã trả hết nợ.

Ông An có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định tại Khoản 2 Điều 228

của Bộ luật tố tụng dân sự. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đối với ông L. Về con chung: giao 02 con chung tên Trịnh Thị Kiều N, sinh ngày 13/6/2004 và Trịnh Thị Bé N1, sinh ngày: 13/8/2006 cho bà K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện đối với Ngân hàng C đối với ông L và bà K. Án phí: bà K phải chịu theo quy định, ông L không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà K khởi kiện yêu cầu giải quyết yêu cầu ly hôn và tranh chấp về con chung với ông L theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên TAND huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng quy định về thẩm quyền tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông L là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Bà Ngô Thúy K và ông Trịnh Minh L kết hôn vào năm 2003 đã được UBND thị trấn Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 29/12/2003 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà K cho rằng, quá trình chung sống giữa bà và ông L có nhiều mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên gây gổ, nguyên nhân là do ông L thường xuyên uống rượu, đánh đập bà K, ông bà ly thân từ ngày 01/5/2019 đến nay. Xét thấy lời trình bày của bà K phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với ông L: tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2019 ông L trình bày ông vẫn còn tình cảm với bà K, ông thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như bà K trình bày là đúng nhưng ông cho rằng mâu thuẫn này

không lớn nên yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng ông. Tuy nhiên khi tòa án triệu tập hòa giải và xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng ông L đều không đến cho thấy ông L không có thiện chí hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Do đó, hôn nhân giữa bà K và ông L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông L.

[3] Về con chung:

Bà Ngô Thúy K và ông Trịnh Minh L có 02 con chung tên Trịnh Thị Kiều N, sinh ngày 13/6/2004 và Trịnh Thị Bé N1, sinh ngày: 13/8/2006 hiện đang sống chung với bà K.

Khi ly hôn bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông L trình bày yêu cầu nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng. Nếu con chung muốn sống với bà K thì ông không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình làm việc, em Ngân và em Nga có nguyện vọng sống với bà K. Đồng thời theo tài liệu, chứng cứ thu thập thể hiện ông L thường xuyên uống rượu và không có công việc ổn định. Do đó, để đảm bảo về nhu cầu vật chất, tinh thần và quyền lợi của con chung cần giao em Ngân và em Nga cho bà K chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã giải thích về quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho bà K sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung và nợ chung:

Ngày 12/11/2019 ông Nguyễn Võ Nhật Duy An có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng C- Phòng giao dịch huyện Bến Cầu đối với ông L và bà K lý do là ông L và bà K đã trả hết nợ cho ngân hàng nên Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Ngân hàng C được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Bà K và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị (nêu trên) phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Ngô Thúy K phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thúy K đối với ông Trịnh Minh L.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên Trịnh Thị Kiều N, sinh ngày 13/6/2004 và Trịnh Thị Bé N1, sinh ngày: 13/8/2006 cho bà Ngô Thúy K tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà K không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung:

Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng của Ngân hàng C đối với ông Trịnh Minh L và bà Ngô Thúy K.

Ngân hàng C được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

Bà K và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết..

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Ngô Thúy K phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0022083 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà Ngô Thúy K đã thi hành xong. Ông Trịnh Minh L không phải chịu án phí.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Ngô Thúy K có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ông Trịnh Minh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi ông L cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NVKT.TAT;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THA Bến Cầu;
- UBND thị trấn Bến Cầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Chu Y

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

Trần Thị Chu Y

